

Bản án số: 18/2025/HNGĐPT

Ngày: 15/8/2025.

V/v: “Chia tài sản sau ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và ông Nguyễn Thế Doanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Miên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Dương Thị Hương Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2025/HNGĐ-PT ngày 25/6/2025 về việc kiện Chia tài sản sau ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2025/HNGĐ-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐ-PT ngày 31/7/2025; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Dương Văn CC, sinh năm 1978 (có mặt).

Trú tại: Xóm G, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Chị Phùng Thị O, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: Xóm G, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Dương Văn C, sinh năm 1976; Trú tại: Xóm G, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2025/HNGĐ-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Văn CC khai:

- Về quan hệ vợ chồng: Vợ chồng anh đã tự nguyện đến với nhau và kết hôn từ năm 2002. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không được

hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do chị O ghen tuông mù quáng không có căn cứ, rồi về nhà chửi bới, xúc phạm anh, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của anh, ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe, cuộc sống, CC việc của anh. Năm 2011 do không chịu đựng được tính ghen tuông vô cớ của chị O nên anh đã làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh để xin ly hôn chị O nhưng chị đã xin lỗi nên anh đã rút đơn xin ly hôn chị O. Khi chuyển CC tác từ T về huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì chị O lại càng ghen vô cớ đối với anh. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết cho anh được ly hôn chị O để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Hiện có 02 con chung là cháu Dương Thảo N, sinh ngày 09/3/2013; cháu Dương Thanh N, sinh ngày 03/6/2003. Sau ly hôn, anh xin nhận nuôi cháu Dương Thảo N, còn cháu Dương Thanh N đã trưởng thành.

- Về tài sản chung:

+ 01 thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn, diện tích 200m² tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ: CS 05422 cấp ngày 08/8/2019 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O

+ 01 thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 260m² tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ: CS 05421 cấp ngày 08/8/2019 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O

+ 01 thửa đất số 1711, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 300m² tại ấp T, xã Tn, huyện TC, tỉnh Tây Ninh đã được cấp GCNQSD số vào sổ cấp GCN: CH 09342 cấp ngày 02/04/2010 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O.

+ 01 thửa số 143, tờ bản đồ số 46, diện tích: 530,60m²; trong đó 200m² là loại đất ở tại nông thôn; 330,60m² là loại đất trồng cây lâu năm tại ấp T, xã Tn, huyện TT, tỉnh Tây Ninh đã được cấp GCNQSD số vào sổ cấp GCN: CS 04695 cấp ngày 23/12/2015 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O.

Anh đề nghị Tòa án huyện P chia cho anh 02 thửa đất trong huyện T, tỉnh Tn, còn nhà đất ở xã Đ, huyện Phú Bình anh để lại cho chị O sử dụng. Chị O phải có trách nhiệm trích chia tiền chênh lệch tài sản cho anh vì nhà đất tại xã Đ có giá trị lớn hơn 02 thửa đất trong huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Nợ chung: Không nợ ai và không cho ai nợ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh CC đề nghị Tòa án giải quyết số tiền 500.000.000đ anh đã đưa cho chị O vào năm 2019, sau đó đến năm 2020, chị O đã gửi số tiền này tại Ngân hàng AgriBank, chi nhánh Đ, P, Thái Nguyên.

2. Bị đơn chị Phùng Thị O khai:

- Về quan hệ vợ chồng: Vợ chồng chị đã tự nguyện đến với nhau và kết hôn từ tháng 7 năm 2002. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chị cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn. Hiện nay chị với anh CC vẫn ở với nhau. Tuy nhiên anh CC hay đi đêm về hôm, không quan tâm đến vợ con, chị có nhắc nhở anh CC thì lại cãi nhau, anh CC thường vin vào những việc này để đòi ly hôn với chị. Nay anh CC xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân

huyện Phú Bình thì chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn anh suy nghĩ lại rút đơn ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Hiện có 02 con chung là cháu Dương Thảo N, sinh ngày 09/3/2013; cháu Dương Thanh N, sinh ngày 03/6/2003. Nếu anh CC kiên quyết xin ly hôn thì chị xin được nuôi cháu Dương Thảo N, sinh ngày 09/3/2013 và yêu cầu anh CC đóng góp tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung:

+ 01 thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn, diện tích 200m² tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ: CS 05422 cấp ngày 08/8/2019 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O

+ 01 thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 260m² tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ: CS 05421 cấp ngày 08/8/2019 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O

+ 01 thửa đất số 1711, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 300m² tại ấp T, xã Tân Hà, huyện T, tỉnh Tây Ninh đã được cấp GCNQSD số vào sổ CH 09342 cấp ngày 02/04/2010 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O.

+ 01 thửa số 143, tờ bản đồ số 46, trong đó 200m² loại đất ở tại nông thôn; 330,60m² loại đất trồng cây lâu năm tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đã được cấp GCNQSD số vào sổ CS 04695 cấp ngày 23/12/2015 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O.

Nếu anh CC kiên quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị 02 mảnh đất tại huyện P, cụ thể:

+ 01 thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn, diện tích 200m², đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 05422 cấp ngày 08/8/2019 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O.

+ 01 thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 260m², đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 05421 cấp ngày 08/8/2019 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O.

+ 01 ô tô loại Atrage BKS 20A 363.66 của anh CC mua, nhưng mang tên anh trai chồng chị tên Dương Văn C.

+ Ngoài ra anh CC có mua chung 01 mảnh đất với anh Dương Văn C tại C, xã K, huyện P. Chị không biết anh CC hay anh C đứng tên.

- Nợ chung: Không nợ ai; ngoài ra có anh Dương Văn C; trú tại: Xóm G, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên có vay của vợ chồng chị 500.000.000đ để mua ô tô, khi vay anh C không có giấy vay tiền.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn C khai:

Anh là anh trai của anh CC . Tại biên bản tự khai ngày 18/12/2024, chị O có khai chiếc xe ô tô BKS 20A 363.66 loại xe Mitsubishi – Attrage là của anh CC bỏ tiền ra mua nhưng để cho anh đứng tên là không đúng sự thật, vì chiếc xe trên là của anh bỏ tiền ra mua, đăng ký xe tên của anh, tất cả giấy tờ mua bán, hóa đơn đều ghi tên anh, anh CC không hề bỏ tiền ra mua chiếc xe này. Thành thạo anh CC cần đi đâu có sang mượn của anh để đi. Do đó chị O lầm tưởng rằng chiếc

xe này do anh CC bỏ tiền ra mua. Cũng như vậy, chị O cho rằng anh CC có góp tiền mua 02 mảnh đất tại khu vực xóm 1, xã K (khu vực C, xã K), cụ thể 01 thửa đất số 237, tờ bản đồ số 30, diện tích 219,4m², loại đất trồng cây lúa nước, đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 03552 cấp ngày 14/6/2022; 01 thửa đất số 238, tờ bản đồ số 30, diện tích 155,6m², loại đất trồng cây lâu năm, đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 03551 cấp ngày 14/6/2022 đều mang tên anh là Dương Văn C. Hai thửa đất này là do tự anh bỏ tiền ra mua, anh CC không hề đóng góp tiền với anh để mua hai thửa đất này.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2025/HNGĐ-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273, khoản 2 Điều 482 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Dương Văn CC đối với chị Phùng Thị O. Cho anh CC được ly hôn với chị O.

2. Về con chung: Giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Thảo N, sinh ngày 09/3/2013. Anh CC có trách nhiệm đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị O mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Dương Thảo N tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác và có quyền đi lại thăm nom con chung. Thời hạn đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 6/2025.

Vì lợi ích của các con, khi cần thiết chị O, anh CC có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị O có đơn yêu cầu thi hành về việc yêu cầu trợ cấp nuôi con đối với anh CC. Nếu anh CC không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung:

4.1. Giao cho anh Dương Văn CC quản lý, sử dụng thửa đất số 1711, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 300m² đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CH 09342 cấp ngày 02/04/2010 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O; Thửa số 143, tờ bản đồ số 46, diện tích 530,60m²; trong đó có 200m² đất ở tại nông thôn và 330,60m² đất trồng cây lâu năm.

- Anh CC phải có trách nhiệm làm thủ tục sang tên anh đối với 02 thửa đất nêu trên tại các cơ quan có thẩm quyền.

4.2. Giao cho chị Phùng Thị O quản lý, sử dụng: Thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn, diện tích 200m² đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 05422 cấp ngày 08/8/2019 tên anh Dương Văn CC và chị Phùng Thị O; Thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 260m² đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 05421 cấp ngày 08/8/2019 tên

anh Dương Văn CC và chị Phùng Thị O; 01 nhà ở hai tầng xây dựng năm 2011 tại xóm N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; 03 mái tôn; 01 cửa xếp sắt dựng năm 2013; 01 cửa cuốn thủy lực hiệu Austdoos.

- Chị O phải có trách nhiệm làm thủ tục sang tên chị đối với 02 thửa đất nêu trên tại các cơ quan có thẩm quyền.

5. Chị Phùng Thị O phải có trách nhiệm trích chia cho anh Dương Văn CC số tiền chênh lệch tài sản là 400.301.723đ (*Bốn trăm triệu, ba trăm linh một ngàn, bảy trăm hai ba đồng*).

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Dương Văn CC có đơn yêu cầu thi hành đối với số tiền chị O phải trích chia tiền chênh lệch tài sản. Nếu chị O không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí: Anh CC phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000đ án phí DSST về trợ cấp nuôi con và 32.520.772đ án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung nộp vào Ngân sách nhà nước; Được chuyển 21.300.000đ từ tiền tạm ứng án phí sang, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001682 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Anh CC phải nộp tiếp số tiền 11.820.772đ án phí DSST còn lại.

- Chị Phùng Thị O phải nộp số tiền 32.520.772đ án phí DSST về việc chia tài sản chung nộp vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/5/2025 bị đơn chị Phùng Thị O có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/HNGĐ-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kháng cáo, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia lại tài sản chung; tăng tiền cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau:

- Giao cho chị Phùng Thị O quản lý, sử dụng thửa đất số 1711, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 300m² đã được cấp GCNQSD số vào sổ CH 09342 cấp ngày 02/04/2010 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O; Thửa số 143, tờ bản đồ số 46, diện tích 530,60m²; trong đó có 200m² đất ở tại nông thôn và 330,60m² đất trồng cây lâu năm. Chị O có trách nhiệm làm thủ tục sang tên mình đối với 02 thửa đất trên tại cơ quan có thẩm quyền.

- Giao cho anh Dương Văn CC quản lý, sử dụng Thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn, diện tích 200m² đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 05422 cấp ngày 08/8/2019 tên anh Dương Văn CC và chị Phùng Thị O; Thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 260m² đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 05421 cấp ngày 08/8/2019 tên anh Dương Văn CC và chị Phùng Thị O; 01 nhà ở hai tầng xây dựng năm 2011 tại xóm Ngọc Sơn, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; 03 mái tôn; 01 cửa xếp sắt dựng năm 2013; 01 cửa cuốn thủy lực hiệu Austdoos. Anh CC

có trách nhiệm làm thủ tục sang tên mình đối với 02 thửa đất trên tại cơ quan có thẩm quyền.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị anh CC cấp dưỡng cho cháu Dương Thảo N mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Dương Văn CC nhất trí đề cho chị O được nhận 02 thửa đất tại t. C, Th; anh CC nhận 02 thửa đất tại xã Đ, huyện P theo yêu cầu của chị O; về số tiền cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị giữ nguyên mức 2.000.000đ như án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh CC và chị O về phân chia quyền sử dụng đất; không chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng do chị O đưa ra vì cấp sơ thẩm đã xem xét đúng theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS; sửa một phần bản án sơ thẩm về phân chia quyền sử dụng đất theo sự thỏa thuận của Nguyên đơn và Bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo của bị đơn chị Phùng Thị O làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

2.1. Về tài sản chung là quyền sử dụng đất: Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn anh Dương Văn CC đã nhất trí với yêu cầu của bị đơn chị Phùng Thị O về việc giao cho chị O được nhận 02 thửa đất tại T, T; anh CC được nhận 02 thửa đất tại xã Đ, huyện P, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận nêu trên.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Thảo N, sinh ngày 09/3/2013. Anh CC có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc mức cấp dưỡng nuôi con đối với cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp và có căn cứ, vì vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân chia tài sản chung; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, sửa bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ

thẩm số 22/2025/HNGĐ-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên về phân chia tài sản chung.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn chị Phùng Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; anh CC, chị O phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phùng Thị O về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm số 22/2025/HNGĐ-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, như sau:

1. Giao cho chị Phùng Thị O quản lý, sử dụng:

- 01 thửa đất số **1711**, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 300m² tại ấp Tân Trung, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã được cấp GCNQSD số vào sổ CH 09342 cấp ngày 02/04/2010 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O.

- 01 thửa số **143**, tờ bản đồ số 46, diện tích 530,60m², trong đó 200m² loại đất ở tại nông thôn; 330,60m² loại đất trồng cây lâu năm tại ấp T, xã T, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, đã được cấp GCNQSD số vào sổ CS 04695 cấp ngày 23/12/2015 tên Dương Văn CC và Phùng Thị O.

Chị O có trách nhiệm làm thủ tục sang tên mình đối với 02 thửa đất trên tại cơ quan có thẩm quyền.

2. Giao cho anh Dương Văn CC quản lý, sử dụng:

- Thửa đất số **1740**, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn, diện tích 200m² tại xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 05422 cấp ngày 08/8/2019 tên anh Dương Văn CC và chị Phùng Thị O;

- Thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 260m² tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 05421 cấp ngày 08/8/2019 tên anh Dương Văn CC và chị Phùng Thị O; 01 nhà ở hai tầng xây dựng năm 2011 tại xóm N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; 03 mái tôn; 01 cửa xếp sắt dựng năm 2013; 01 cửa cuốn thủy lực hiệu Austdoos.

Anh CC có trách nhiệm làm thủ tục sang tên mình đối với 02 thửa đất trên tại cơ quan có thẩm quyền.

3. Anh Dương Văn CC phải có trách nhiệm trích chia cho Chị Phùng Thị O số tiền chênh lệch tài sản là 400.301.723đ (*Bốn trăm triệu, ba trăm linh một ngàn, bảy trăm hai ba đồng*).

4. Về con chung: Giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Thảo N, sinh ngày 09/3/2013. Anh CC có trách nhiệm đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị O mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Dương

Thảo N tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác và có quyền đi lại thăm nom con chung. Thời hạn đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 6/2025. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết chị O, anh CC có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị O có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh CC không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí:

- Anh CC phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000đ án phí DSST về trợ cấp nuôi con và 32.520.772 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung nộp vào Ngân sách nhà nước; Được chuyển 21.300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí sang, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001682 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Anh CC phải nộp tiếp số tiền 11.820.772 đồng án phí DSST còn lại.

- Chị Phùng Thị O phải nộp số tiền 32.520.772 đồng án phí DSST về việc chia tài sản chung vào ngân sách nhà nước.

- Chị Phùng Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004088, ngày 16/6/2025 của Chi cục THADS huyện Phú Bình.

7. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/HNGĐ-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là TAND Khu vực K – Thái Nguyên) không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND KV - Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV - Thái Nguyên
- P.THADS KV - Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn

